Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên
Trung tâm Tin học - Công báo
Giờ ký: 10/03/2020 15:12:19

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 14 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản

lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 843/TTr-SNV ngày 30 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2020.

Điều 3. **Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước Hưng Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I
VỊ TRÍ PHÁP LÝ

Điều 1. Tên Ban Quản lý dự án

1. Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng.

2. Trụ sở giao dịch:

a) Trụ sở chính: Số 6, đường Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

b) Cơ sở 2: Số 68, đường An Vũ, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng được thành lập theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND).

4. Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng.

5. Nơi đăng ký hoạt động của Ban Quản lý dự án tại tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý dự án) trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên là đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14

tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (sau đây gọi tắt là Nghị định số 141/2016/NĐ-CP).

2. Ban Quản lý dự án có tư cách pháp nhân, có con dấu và có tài khoản riêng được mở tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, số lượng người làm việc và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 3. Chức năng

Ban Quản lý dự án thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ đầu tư và trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện các dự án được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư về các hoạt động của mình; quản lý, vận hành, khai thác sử dụng công trình hoàn thành khi được người quyết định đầu tư giao; thực hiện các chức năng theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban Quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc

Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của các thành viên Ban Quản lý dự án

1. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc Ban Quản lý dự án

a) Giám đốc Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án và là chủ tài khoản của đơn vị;

b) Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và các quy định khác về hoạt động của Ban Quản lý dự án;

c) Phân công nhiệm vụ của các Phó Giám đốc và thành viên Ban Quản lý dự án; quyết định tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, nhân viên thuộc Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức;

d) Tổ chức, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất (nếu có) của Ban Quản lý dự án; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác của các phòng chuyên môn và của các thành viên Ban Quản lý dự án;

đ) Ký các văn bản, hợp đồng xây dựng với các nhà thầu được lựa chọn, hợp đồng lao động với cán bộ, viên chức Ban Quản lý dự án;

2. Quyền và trách nhiệm của các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được Giám đốc Ban Quản lý dự án phân công hoặc ủy quyền; thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tham gia các cuộc họp, đề xuất hoặc kiến nghị về các giải pháp, biện pháp cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án.

3. Quyền, nghĩa vụ của viên chức Ban Quản lý dự án

a) Được bảo đảm về điều kiện làm việc, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được hưởng đầy đủ các chế độ, quyền lợi theo quy định của pháp luật;

b) Có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt pháp luật, chính sách hiện hành và quy chế làm việc của đơn vị; có quyền từ chối thực hiện công việc được giao khi xét thấy công việc đó ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của đơn vị, nhưng phải được sự chấp thuận của Trưởng phòng phụ trách;

c) Có quyền đề xuất đóng góp ý kiến, biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và xây dựng đơn vị;

d) Chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và Ban Giám đốc Ban Quản lý dự án về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao;

đ) Có trách nhiệm bảo quản và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản của đơn vị.

Chương III
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 7. Nguyên tắc làm việc

1. Đối với Ban Giám đốc

a) Ban Quản lý dự án hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách theo chế độ thủ trưởng, vừa bảo đảm trách nhiệm của tập thể, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân, mọi hoạt động của Ban Quản lý dự án phải bảo đảm tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Giải quyết công việc theo đúng phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án;

c) Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định;

d) Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành chung và trực tiếp chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể về hoạt động của Ban Quản lý dự án. Giám đốc có thể xem xét công việc thuộc các lĩnh vực đã phân công cho các Phó Giám đốc và quyết định của Giám đốc là quyết định cuối cùng;

đ) Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc. Phó Giám đốc được phân công phụ trách lĩnh vực công tác nào thì duyệt ký văn bản thuộc lĩnh vực công tác đó. Đối với những quyết định vượt quá thẩm quyền, Phó Giám đốc phải báo cáo xin ý kiến quyết định của Giám đốc trước khi chỉ đạo thực hiện hoặc duyệt ký văn bản;

Trường hợp Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực công tác vắng mặt nhưng cần phải giải quyết công việc ngay thì Giám đốc trực tiếp giải quyết hoặc giao Phó Giám đốc có mặt ở cơ quan giải quyết; sau đó phải báo cáo Giám đốc về tình hình và kết quả thực hiện công việc. Khi giải quyết công việc có liên quan đến lĩnh vực công tác do Phó Giám đốc khác phụ trách thì các Phó Giám đốc chủ động bàn bạc, thống nhất trước khi quyết định. Trường hợp không thống nhất được, Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực công tác thực hiện giải quyết công việc có trách nhiệm phải báo cáo ngay Giám đốc xem xét, quyết định, không để công việc chậm trễ, ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

2. Đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án chủ động xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ công tác của phòng để tham mưu, đề xuất giúp

Ban Giám đốc giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc và trước pháp luật về kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ công tác của phòng; chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án.

3. Đối với viên chức, người lao động của Ban Quản lý dự án

a) Xây dựng kế hoạch công tác và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao bảo đảm yêu cầu về chất lượng, khối lượng, tiến độ công việc; chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án;

b) Tham gia đóng góp, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của phòng, của Ban Quản lý dự án, góp phần xây dựng hoạt động của Ban Quản lý dự án; có trách nhiệm bảo quản, sử dụng tài sản, tài chính của Ban Quản lý dự án tiết kiệm, hiệu quả;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án.

Điều 8. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Chế độ họp, giao ban nội bộ

a) Chế độ họp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Thực hiện nghiêm chế độ họp định kỳ theo quy định của tỉnh và họp đột xuất (nếu có) để xin ý kiến giải quyết những công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị;

b) Chế độ hội họp với các nhà thầu: Được tổ chức thường xuyên trong quá trình thực hiện dự án, gồm: Ký kết hợp đồng, tiến độ, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành; họp giải quyết các vấn đề vướng mắc, nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, giai đoạn thực hiện đầu tư, giai đoạn kết thúc đầu tư và các cuộc họp cần thiết khác tùy theo tình hình thực tế;

c) Chế độ hội họp, giao ban nội bộ Ban Quản lý dự án: Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức các cuộc họp, hội ý để chỉ đạo, điều hành công việc của đơn vị. Định kỳ hàng tuần, tháng, quý Ban Quản lý dự án tổ chức các cuộc họp giao ban hoặc họp đột xuất và các hội nghị sơ kết, tổng kết do Giám đốc triệu tập, chủ trì. Nội dung, thành phần, thời gian cuộc họp, hội nghị do Giám đốc quyết định theo quy định về chế độ hội họp, giao ban. Trường hợp Giám đốc vắng mặt thì Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền triệu tập, chủ trì cuộc họp,

hội nghị để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng chế độ, chương trình, kế hoạch của đơn vị;

Phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm thông báo, triệu tập hội nghị, cuộc họp đúng thời gian, thành phần theo yêu cầu và chuẩn bị nội dung, cơ sở vật chất phục vụ cuộc họp, hội nghị, tổ chức ghi biên bản hội nghị, cuộc họp và thông báo kết luận của Giám đốc, Phó Giám đốc đến các phòng chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện.

2. Chế độ báo cáo

a) Ban Quản lý dự án thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

b) Chế độ báo cáo trong nội bộ Ban Quản lý dự án:

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với lãnh đạo Ban Quản lý dự án theo quy định; đồng thời, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định hoặc theo yêu cầu.

Các Phó Giám đốc, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và viên chức được Giám đốc phân công thay Giám đốc dự họp, làm việc phải có trách nhiệm báo cáo Giám đốc về kết quả làm việc.

Điều 9. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Chế độ kiểm tra, giám sát đối với dự án được giao quản lý

a) Thực hiện thường xuyên, liên tục theo kế hoạch hoặc đột xuất khi cần thiết; việc kiểm tra, giám sát được thực hiện trong tất cả các khâu, công đoạn, giai đoạn, từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến khi kết thúc dự án;

b) Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Tiến độ thực hiện, biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường chất lượng, khối lượng, chi phí đầu tư, những đề xuất, biện pháp cần thiết để thực hiện hoàn thành dự án;

c) Việc kiểm tra, giám sát phải căn cứ, tuân thủ bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với hình thức quản lý dự án, hợp đồng xây dựng.

2. Chế độ kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nội bộ Ban Quản lý dự án

a) Thực hiện định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất trong phạm vi và thẩm quyền được phân công về thực hiện nhiệm vụ được giao; bảo đảm cho hoạt động chỉ đạo, điều hành được thông suốt, đạt hiệu quả cao, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ

luật hành chính, tăng cường phòng chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực;

b) Thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ theo quy định của pháp luật; trường hợp phát hiện có sai phạm thì tùy theo mức độ xử lý và đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Nội dung kiểm tra, giám sát nội bộ bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế làm việc của đơn vị; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức; tác nghiệp thực hiện quản lý, điều hành; chế độ quản lý tài chính, tài sản, hoạt động thu chi của đơn vị; quy trình thực hiện quản lý đầu tư xây dựng; các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao; việc thực hiện các quy định của pháp luật và các nội dung khác theo hướng dẫn, yêu cầu của các cơ quan cấp trên, cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Chế độ phối hợp công tác

1. Giữa các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Quản lý dự án

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Khi giải quyết công việc có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ khác thì phòng chủ trì phải chủ động phối hợp với các phòng liên quan; trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo Ban Giám đốc xem xét, quyết định.

2. Giữa Ban Quản lý dự án với các cơ quan, đơn vị chức năng của người quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, người quyết định đầu tư

Chủ động phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với các cơ quan, các sở, ban ngành và các đơn vị chức năng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

3. Giữa Ban Quản lý dự án với tổ chức, cá nhân có liên quan

Chủ động phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết những công việc có liên quan và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 11. Chế độ tài chính

1. Là đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10

tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Điều 10 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng, các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên.

2. Ban Quản lý dự án được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước; được mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định pháp luật.

3. Ban Quản lý dự án có tổ chức kế toán theo quy định của Luật Kế toán, có trách nhiệm quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, tài sản Nhà nước giao theo quy định của pháp luật, phân cấp của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm lập, chấp hành dự toán, kế toán, quyết toán các nguồn vốn theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm tự kiểm tra và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền đối với toàn bộ công tác tài chính, kế toán của Ban Quản lý dự án.

4. Hàng năm, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm lập dự toán thu, chi và mở sổ kế toán theo dõi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng năm với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Nguồn tài chính của Ban Quản lý dự án

1. Vốn đầu tư phát triển của các dự án được giao hoặc được ủy thác quản lý thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có).

3. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần trong trường hợp cần thiết (nếu có).

4. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án, tư vấn giám sát (thông qua hợp đồng với các chủ đầu tư) và các khoản thu từ các hoạt động hợp pháp khác của Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản thu khác (nếu có).

Điều 13. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên gồm:

a) Chi tiền lương: Chi trả tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị (ngân sách nhà nước không cấp bổ sung).

b) Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi phù hợp theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định. Tiền trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Chi không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm

1. Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), Ban Quản lý dự án được sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm quy định tại Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước theo trình tự như sau:

a) Trích lập tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập: Tối đa không quá 03 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng lương từ chi phí quản lý dự án do Nhà nước quy định.

c) Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: Mức trích đối với 02 Quỹ này tối đa không quá 03 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm.

d) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Sử dụng các Quỹ

a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Sử dụng để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp của Ban Quản lý dự án; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; hỗ trợ đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức, người lao động của Ban Quản lý dự án; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).

b) Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm.

Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo đơn vị tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị.

c) Quỹ khen thưởng: Để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

d) Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong Ban Quản lý dự án (hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm; ăn trưa, hiếu, hỷ, thăm hỏi, ốm đau; hỗ trợ chi trang phục cho cán bộ và người lao động; và các nội dung hỗ trợ khác); trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế. Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định việc sử dụng Quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Mức trích cụ thể của các Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này và việc sử dụng các Quỹ do Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và phải thực hiện công khai trong đơn vị theo quy định.

Điều 15. Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị

1. Ban Quản lý dự án được trang bị tài sản để phục vụ công tác quản lý dự án và thực hiện các nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Tài sản của Ban Quản lý dự án phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiêm cấm việc cho thuê, mượn, biếu, tặng và sử dụng tài sản của Ban Quản lý dự án vào mục đích cá nhân.

2. Ban Quản lý dự án định kỳ báo cáo người có thẩm quyền về các tài sản được nhà thầu, nhà cung cấp bàn giao, tặng hoặc để lại cho Ban Quản lý dự án để quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản của Ban Quản lý dự án phải được đánh giá lại sau khi kết thúc từng dự án; tài sản không cần sử dụng phải được xử lý theo quy định hiện hành.

4. Ban Quản lý dự án có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phục vụ hoạt động của Ban Quản lý dự án theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 16. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung).

3. Trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt các nội dung thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo, đề xuất và giải trình các nội dung cần thiết theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án.

6. Thực hiện các nội dung công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Đối với chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án, chủ quản lý sử dụng công trình

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với chủ đầu tư khác theo hợp đồng ủy thác quản lý dự án và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phối hợp với chủ quản lý sử dụng công trình khi lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu và nghiệm thu, bàn

giao công trình xây dựng hoàn thành vào vận hành, sử dụng (kể cả việc thực hiện bảo hành công trình theo quy định).

3. Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật; quản lý công trình xây dựng hoàn thành trong thời gian chưa xác định được đơn vị quản lý sử dụng công trình theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

4. Thực hiện các nội dung công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối với nhà thầu thi công xây dựng

1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư hoặc được ủy thác quản lý thực hiện; đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu xây dựng được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với nhà thầu xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, vướng mắc của nhà thầu trong quá trình thực hiện.

4. Thực hiện các nội dung công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Đối với cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp

1. Thực hiện (hoặc theo ủy quyền) các thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị dự án, chuẩn bị xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi dự án có yêu cầu về thu hồi đất để xây dựng.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản lý hành chính, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án và bàn giao công trình vào khai thác, sử dụng.

5. Báo cáo, giải trình về tình hình thực hiện quản lý dự án khi được yêu cầu về sự cố công trình, an toàn trong xây dựng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nội dung công việc khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2020.

2. Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ban Quản lý dự án và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phóng